

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số 220/2018/HSST

Ngày 06/09/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Nguyên Thao

2. Bà Nguyễn Thị Lượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Ngọc Hoa – Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Huy Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 09 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 206/2018/HSST ngày 15/08/2018, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 204/2018/HSST-QĐ ngày 20/08/2018 đối với:

I. NGƯỜI BỊ BUỘC TỘI

1. Lương Văn T; Giới tính Nam; Sinh năm 1997, tại tỉnh Nghệ An; Thường trú xóm Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An – Tạm trú số 74B/3A, khu phố B, phường A, thị xã D, tỉnh Bình Dương; Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc kinh; Nghề nghiệp thợ quảng cáo; Trình độ học vấn 09/12; Cha Lương Văn H, mẹ Thái Thị T; Vợ, con chưa có; Tiền sự không, tiền án không. Tạm giam từ ngày 01/05/2018 (có mặt).

2. Phan Văn S; Giới tính Nam; Sinh năm 1994, tại tỉnh Nghệ An; Thường trú xóm Đ, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An – Tạm trú ấp 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch Việt Nam; Dân tộc kinh; Nghề nghiệp thợ hàn; Trình độ học vấn 12/12; Cha Phan Văn C, mẹ Phạm Thị T; Chưa có vợ, con; Tiền sự không, tiền án không. Tạm giữ từ ngày 02/05/2018 đến ngày 10/05/2018 (có mặt).

II. NHỮNG NGƯỜI THAM GIA TỔ TỤNG

1. Bị hại: Bà Hạ Thị N, sinh năm 1971. Cư trú số 1045, đường tỉnh lộ X, khu phố Y, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

2. Người có quyền nghĩa vụ liên quan: Bà Phan Thị M, sinh năm 1990. Cư trú số 1211, đường tỉnh lộ X, khu phố Y, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Khoảng 20 giờ 00 phút ngày 01/05/2018, Phan Văn S rủ Lương Văn T đi tìm tài sản để trộm cắp, Lương Văn T đồng ý. Lương Văn T điều khiển xe mô tô biển số 37L3-3554 chở Phan Văn S khi đến tiệm thuốc tây địa chỉ số 1045, đường tỉnh lộ X, khu phố Y, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh thì Phan Văn S giả vờ vào mua thuốc, còn Lương Văn T đứng ngoài chờ. Khi vào cửa hàng thì thấy bà Hạ Thị N để chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy J7 Pro cách Phan Văn S khoảng 02 m, trong lúc bà Hạ Thị N bán hàng không để ý, Phan Văn S đã lấy chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy J7 Pro rồi đi ra ngoài để Lương Văn T chở đi. Bà Hạ Thị N phát hiện truy hô và đuổi theo, Phan Văn S và bà Hạ Thị N giằng co làm rơi chiếc điện thoại không thu hồi được. Sau đó, Phan Văn S điều khiển xe chở Lương Văn T bỏ chạy được khoảng 10 m thì cả hai bị té, Lương Văn T bị bắt giữ, còn Phan Văn S chạy thoát. Đến 0 giờ 05 phút ngày 02/05/2018 thì Phan Văn S đến công an phường Bình Chiểu, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh đầu thú.

Vật chứng vụ án: Chiếc xe xe mô tô biển số 37L3-3554, chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy J7 Pro không thu hồi được.

Biên bản định giá số 875/UBND-TCKH ngày 17/05/2018 của hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy J7 Pro trị giá 5.500.000 đồng.

2. Cáo trạng số 200/CT-VKSTĐ ngày 13/08/2018 của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố Phan Văn S và Lương Văn T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điều 173 khoản 1 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

3. Tại phiên tòa: Phan Văn S và Lương Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu. Kiểm sát viên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị mức hình phạt từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù đối với Phan Văn S, từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù đối với Lương Văn T và xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

4. Phan Văn S và Lương Văn T không bào chữa.

5. Phan Văn S và Lương Văn T nói lời sau cùng xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào kết quả kiểm tra, đánh giá chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

1. Các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Người bị buộc tội và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng. Như vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của những người tiến hành tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

2. Lời khai nhận của Phan Văn S và Lương Văn T phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác do cơ quan điều tra thu thập được có trong hồ sơ của vụ án. Hội đồng xét xử đã có căn cứ kết luận Phan Văn S và Lương Văn T đã

lén lút lấy chiếc điện thoại Sam Sung Garaxy J7 Pro trị giá 5.500.000 đồng của bà Hạ Thị N nên Phan Văn S và Lương Văn T cùng phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điều 173 khoản 1 Bộ luật hình sự. Đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến quyền sở hữu tài sản của bà Hạ Thị N được pháp luật tôn trọng và bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự và an toàn xã hội.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh truy tố Phan Văn S và Lương Văn T là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Do đó, hội đồng xét xử áp dụng điều 173 khoản 1 Bộ luật hình sự để xử phạt Phan Văn S và Lương Văn T mức án tương xứng với tính chất và mức độ hành vi phạm tội để nhằm giáo dục riêng và phòng ngừa chung trong xã hội.

4. Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

4.1 Đối với Phan Văn S có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường thiệt hại, đầu thú, nên hội đồng xét xử áp dụng điều 51 khoản 1 điểm b, i, s và khoản 2 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Xét thấy, Phan Văn S có khả năng cải tạo, không cần phải bắt chấp hành hình phạt tù và việc cho hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Phan Văn S không thuộc những trường hợp không được hưởng án treo quy định tại điều 3 khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán toà án nhân dân tối cao. Nên hội đồng xét xử áp dụng điều 51 khoản 1 điểm b, i, s Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2 khoản 1, 2, 3, 4, 5 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán toà án nhân dân tối cao, điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho Phan Văn S được hưởng án treo, có thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục và cải tạo.

4.2 Đối với Lương Văn T có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường thiệt hại, nên hội đồng xét xử áp dụng điều 51 khoản 1 điểm b, i, s Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, nên hội đồng xét xử áp dụng điều 54 khoản 1 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 cho Lương Văn T được hưởng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

4.3 Phan Văn S và Lương Văn T không có tình tiết tăng nặng được quy định tại điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

5. Xử lý vật chứng, chiếc xe mô tô biển số 37L3-3554 do bà Phan Thị M là chủ sở hữu, Phan Văn S mượn của bà Phan Thị M đi trộm cắp như bà Phan Thị M không biết, nên công an quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh đã trả lại cho bà Phan Thị M theo biên bản ngày 17/07/2018 (BL 56), hiện bà Phan Thị M không yêu cầu gì khác, nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

6. Trách nhiệm dân sự: Phan Văn S và Lương Văn T đã bồi thường chiếc điện thoại Sam Sung Garaxy J7 Pro cho bà Hạ Thị N, hiện bà Hạ Thị N không yêu cầu gì khác, nên hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

7. Phan Văn S, và Lương Văn T mỗi người phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Từ những nhận định trên, hội đồng xét xử:

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố, Phan Văn S và Lương Văn T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

2. Áp dụng điều 173 khoản 1; điều 51 khoản 1 điểm b, i, s và khoản 2; điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 2 khoản 1, 2, 3, 4, 5; Điều 3 khoản 1, 2, 3, 4, 5, 6 Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/05/2018 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao. Xử phạt, Phan Văn S 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong thời gian thử thách, nếu Phan Văn S cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì tòa án có thể quyết định buộc Phan Văn S phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp Phan Văn S thực hiện hành vi phạm tội mới thì tòa án buộc Phan Văn S phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại điều 56 Bộ luật hình sự. Giao Phan Văn S cho ủy ban nhân dân xã Tân Lập, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp Phan Văn S thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại điều 69 khoản 1 của Luật thi hành án hình sự.

3. Áp dụng điều 173 khoản 1; điều 51 khoản 1 điểm b, i, s; điều 54 khoản 1 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017. Điều 328 khoản 5 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015. Xử phạt, Lương Văn T 04 (bốn) tháng 05 (năm) ngày tù. Lương Văn T bị tạm giam từ ngày 01/05/2018 đến ngày 06/09/2018, đã chấp hành xong hình phạt. Tuyên bố, trả tự do Lương Văn T ngay tại phiên tòa nêu Lương Văn T không bị tạm giam về một tội phạm khác.

4. Áp dụng Luật phí và lệ phí năm 2015; Điều 23 khoản 1 điểm a nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí tòa án ngày 30/12/2016. Phan Văn S và Lương Văn T mỗi người phải nộp 200.000 (hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Áp dụng điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Phan Văn S và Lương Văn T được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Hạ Thị N, bà Phan Thị M được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận :

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q. Thủ Đức;
- CA Quận Thủ Đức;
- CCTHA DS Q. Thủ Đức;
- Sở tư pháp TP. HCM;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu : VP – Hồ sơ.

(Đã ký)

Nguyễn Quang Hiền

